

ĐỀ THAM KHẢO

Câu I. Chọn một phương án A, B, C hoặc D ứng với từ có phần gạch chân được phát âm khác với các từ còn lại. (0,8 điểm)

- | | | | |
|-------------------------|------------------|------------------|------------------|
| 1. A. helps | B. writes | C. laughs | D. drives |
| 2. A. brushed | B. fixed | C. planted | D. looked |
| 3. A. plentiful | B. believe | C. express | D. centre |
| 4. A. <u>th</u> erefore | B. <u>th</u> row | C. <u>th</u> ick | D. <u>th</u> eme |

Câu II. Chọn một phương án A, B, C hoặc D ứng với từ hoặc cụm từ thích hợp để hoàn thành các câu sau. (3,2 điểm)

- The students passed the final exam, _____?
A. do they B. did they C. didn't they D. don't they
- The girl _____ I met yesterday is very nice.
A. which B. whom C. what D. whose
- Hoa should do the exams carefully, and _____ should you.
A. either B. neither C. too D. so
- Why did you decide to _____ a new job?
A. look at B. look after C. look in D. look for
- You _____ stay up late to watch TV. It is not good for your health.
A. must B. mustn't C. should D. shouldn't
- _____ his broken leg, he managed to escape from the accident.
A. Because B. Although C. Because of D. In spite of
- The weather today is _____ than the other days of the month.
A. the hottest B. hotter C. hot D. more hot
- She doesn't think her son is _____ to take part in the competition.
A. such young B. so young C. old enough D. enough old
- It _____ that the weather will be better tomorrow.
A. was hoped B. to be hoped C. is hoped D. being hoped
- The teacher was wearing a _____ jacket when I met him yesterday.
A. brown nice leather B. nice leather brown C. leather nice brown D. nice brown leather

- His father sometimes _____ the bed after getting up.
A. takes B. has C. gets D. makes
- She asked her friends to _____ the radio as she wanted to focus on her lesson.
A. go on B. turn off C. put on D. get over

Chọn một phương án A, B, C hoặc D ứng với từ gần nghĩa với từ được gạch chân.

- Experiences at work help women to **widen** their knowledge.
A. eliminate B. broaden C. restrict D. spoil
- At weekends the city centre is always **packed** with people.
A. narrow B. crowded C. populous D. large

Chọn một phương án A, B, C hoặc D ứng với câu đáp lại phù hợp trong các tình huống giao tiếp sau.

15. Van and Mai are talking about their weekend.

- Van: "I suggest going to the theater this weekend?"

- Mai: "_____."

- | | |
|------------------------------|----------------------|
| A. That would be great | B. I feel very bored |
| C. I don't agree. I'm afraid | D. You're welcome |

16. Piter is asking Merry if she went to the meeting.

- Piter: "Didn't you go to the meeting?"

A. No, I went there with my friends

- Merry: "_____."

B. That sounds nice, but I can't

C. Don't worry. I'll go there

D. I did, but I didn't stay long

Câu III. Tìm một lỗi sai trong bốn phần gạch chân A, B, C hoặc D trong các câu sau đây. (0,8 điểm)

1. The meal was cooked by my mother when I came home from work.

A B C D

2. Don't speak English with she; she hardly knows any English.

A B C D

3. The children are interested in playing a guitar every day.

A B C D

4. Mr. Minh use to drive to work, but now he takes the bus.

A B C D

Câu IV. Viết dạng đúng của các động từ trong ngoặc để hoàn thành các câu sau. (0,8 điểm)

1. When my friend called me, I (do)_____ my homework at 7p.m yesterday.

2. I (not meet) _____ my old friend for a long time.

3. John decide (contact)_____ his family in French by using Zalo.

4. I am looking forward to (take) _____ to the zoo by my parents.

Câu V. Viết dạng đúng của từ trong ngoặc để hoàn thành các câu sau. (0,8 điểm)

1. Wearing casual clothes helps students have freedom of _____ . (choose)

2. Toronto is officially named the most _____ city in Canada. (culture)

3. I like this website because it is _____ for me. (use)

4. You should apologize if you behaved _____. (correct)

Câu VI. Chọn một phương án A, B, C hoặc D ứng với từ thích hợp để điền vào chỗ trống trong đoạn văn sau. (0,8 điểm)

A Memorable Movie Night

Although most families in the United States enjoy a high living standard, many American women have to work hard at home and in their offices. Despites their husbands' share of their housework, it is women (1)_____have to do most of the housekeeping tasks.

In single - parent families, the mothers may not have many children to (2)_____care of, but they have to raise their families alone and have to provide for all the housekeeping money. Therefore, the single mothers have (3)_____very hard to earn their living. (4)_____, in spite of the fact that the single mothers have all the modern conveniences at their homes, they find that bringing up their teenage children alone is not easy.

1. A. which B. who C. when D. whom

2. A. keep B. put C. get D. take

3. A. work B. worker C. working D. worked

4. A. Because of B. Although C. Moreover D. Because

Câu VII. Đọc đoạn văn sau và chọn phương án A, B, C hoặc D ứng với câu trả lời đúng cho các câu hỏi. (0,8 điểm)

Solar energy is a long lasting source of energy which can be used almost anywhere. To generate solar energy, we only need solar cells and the sun! Solar cells can easily be installed on house roofs, so no new space is needed and each user can quietly generate their own energy. Compared to other renewable sources, **they** also possess many advantages. Wind and water power rely on turbines which are noisy, expensive and easy to break down. Solar cells are totally silent and non-polluting. As they have no moving parts, they require little maintenance and have a long lifetime. However, solar energy also has some disadvantages. We can only generate solar energy during daytime because the system depends on sunlight. Besides, solar cells require large area to work effectively. The main disadvantage of solar energy is that it costs about twice as much as traditional sources such as coal, oil, and gas. This is because solar cells are expensive. Scientists are hoping that the costs of solar cells will reduce as more and more people see the **advantages** of this environmentally friendly source of energy

1. What does the passage primarily discuss?

- A. Advantages and disadvantages of solar energy.
- B. Solar energy's advantages over other sources of energy.
- C. The cost of solar energy.
- D. Solar energy as an alternative for fossil fuels.

2. Which of the following is the main disadvantage of solar energy mentioned in the passage?

- A. It is expensive.
C. Solar cells require large areas to operate.
3. What does the word **they** in line 4 refer to?
A. solar energy users.
C. solar cells.
4. What does the word “**advantages**” in line 11 mean?
A. very bad.
B. resources.
C. benefits.
D. friendly

- B. It is unfriendly to the environment.
D. It depends on sunlight
B. other advantages.
D. renewable resources

Câu VIII. Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi. (0,8 điểm)

Son Doong Cave is compared equally to Mount Everest in terms of attraction. The biggest natural cave in the world is appreciated to be an interesting destination for a several-day tour, including exploring underground rivers, caves and camping ... The overwhelming natural landscapes inside Son Doong Cave create an attraction by majestic and magnificent scenes. It takes months to end up a cave's round. In addition, the condition to join tours in Son Doong Cave is extremely high. Adventurers must be in good mental and physical health to conquer the cave. Son Doong, the biggest cave in Viet Nam, along with other attractions in Quang Binh, is an attractive destination for travelers, especially those who are fans of natural exploration. The first exploration tour was held in early August 2013. The first tour consisted of 6 people from the US, Russia, Australia, and Norway. They underwent 7 days and 6 nights to explore Son Doong Cave. There are a large number of tourists registering for next tours since then.

1. Does it take months or years to end up a cave's round?

2. Can tourists explore underground rivers?

3. When was the first exploration tour held?

4. How long did the first group of tourists spend in the cave?

Câu IX. Hoàn thành câu thứ hai sao cho nghĩa không thay đổi so với câu đã cho. (1,2 điểm)

1. Billionaire Pham Nhat Vuong founded Vinfast Automobile Company in 2017.

→ *Vinfast Automobile Company* _____

2. “Where will you spend your holiday next month” Mrs Chi said to me

→ *Mrs Chi* _____

3. Don't come late, or you will miss the bus to the airport.

→ *If* _____

4. The last time we met Nguyen Quang Hai football player was two months ago.

→ *We haven't* _____

5. That man is working to the company. He is a foreigner

→ *That man* _____

6. In spite of the heavy rain, he came to school on time.

→ *Although* _____

-----HẾT-----

Câu I. Chọn một phương án A, B, C hoặc D ứng với từ có phần gạch chân được phát âm khác với các từ còn lại. (0,8 điểm)

1. **D.** Driveses 2. **C.** plantedd 3. **B.** believee 4. **A.** therefore

Câu II. Chọn một phương án A, B, C hoặc D ứng với từ hoặc cụm từ thích hợp để hoàn thành các câu sau. (3,2 điểm)

1. **C.** didn't they 2. **B.** whom 3. **D.** so 4. **D.** look for 5. **D.** shouldn't 6. **D.** In spite of
7. **B.** hotter 8. **C.** old enough 9. **C.** is hoped 10. **D.** nice brown leather 11. **D.** makes
12. **B.** turn off

Chọn một phương án A, B, C hoặc D ứng với từ gần nghĩa với từ được gạch chân.

13. **B.** broaden 14. **B.** crowded

Chọn một phương án A, B, C hoặc D ứng với câu đáp lại phù hợp trong các tình huống giao tiếp sau.

15. **A.** That would be great 16. **D.** I did, but I didn't stay long

Câu III. Tìm một lỗi sai trong bốn phần gạch chân A, B, C hoặc D trong các câu sau đây. (0,8 điểm)

- 1-A 2-B 3-D 4-A

Câu IV. Viết dạng đúng của các động từ trong ngoặc để hoàn thành các câu sau. (0,8 điểm)

1. (was doing) 2. (haven't met) 3. (to contact) 4. (taking)

Câu V. Viết dạng đúng của từ trong ngoặc để hoàn thành các câu sau. (0,8 điểm)

1. choice 2. Cultural 3. Useful 4. incorrectly

Câu VI. Chọn một phương án A, B, C hoặc D ứng với từ thích hợp để điền vào chỗ trống trong đoạn văn sau. (0,8 điểm)

1. **B.** who 2. **D.** Take 3. **D.** Worked 4. **C.** Moreover

Câu VII. Đọc đoạn văn sau và chọn phương án A, B, C hoặc D ứng với câu trả lời đúng cho các câu hỏi. (0,8 điểm)

1. **A.** Advantages and disadvantages of solar energy. 2. **A.** It is expensive.
3. **C.** solar cells. 4. **C.** benefits.

Câu VIII. Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi. (0,8 điểm)

1. It takes months to end up a cave's round.
2. No, they can't
3. The first exploration tour was held in early August 2013
4. The first group of tourists spend 7 days and 6 nights in the cave

Câu IX. Hoàn thành câu thứ hai sao cho nghĩa không thay đổi so với câu đã cho. (1,2 điểm)

1. → **Vinfast Automobile Company** was founded by Billionaire Pham Nhat Vuong in 2017
2. → **Mrs Chi** asked me Where I would spend my holiday the next month
3. → **If you** come late, you will miss the bus to the airport
4. → **We haven't met** Nguyen Quang Hai football player for two months
5. → **That man**, who is working to the company, is a foreigner
6. → **Although** it rained heavily, he came to school on time